

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 1 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
Trường ĐHDL PHÚ XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

#### 1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

##### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

- Tên trường: Đại học Dân lập Phú Xuân
- Sứ mệnh: Trường ĐHDL Phú Xuân là cơ sở đào tạo đa ngành đa cấp, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực miền Trung – Tây Nguyên, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước.

##### - Các cơ sở của trường:

- + Cơ sở 1: 28 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Nhuận, tp Huế
- + Cơ sở 2: 176 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, tp Huế
- + Cơ sở 3: Phường An Tây, tp Huế (cuối đường Đặng Huy Trứ)

##### - Địa chỉ trang web: <http://phuxuanuni.edu.vn>

##### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I	24 ĐH			
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III	370 ĐH, 16 CĐ			
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V	143 ĐH			
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII	189 ĐH			
<b>Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)</b>	<b>726 ĐH, 16 CĐ</b>			

##### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

**I. Tuyển sinh các ngành đại học hệ chính quy (390 chỉ tiêu):**

S TT	TÊN NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ NGÀNH
1	<b>Công nghệ thông tin</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông; Kỹ thuật đa phương tiện; Tin học kinh tế)	D480201
2	<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b> (Gồm 2 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện tử)	D510301
3	<b>Kế toán</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán kiểm toán; Kế toán công; Kế toán thuế)	D340301
4	<b>Tài chính-Ngân hàng</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính công; Thuế; Tài chính doanh nghiệp)	D340201
5	<b>Quản trị kinh doanh</b> (Gồm 6 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh du lịch; Quản trị kinh doanh tổng quát; Marketing công nghệ số; Quản trị bệnh viện; Luật kinh doanh)	D340101
6	<b>Văn học</b>	D220330
7	<b>Lịch sử</b>	D220310
8	<b>Việt Nam học</b> (3 chuyên ngành: <b>Du lịch</b> (Quản lý Khách sạn-Nhà hàng; Quản lý Du lịch-Lữ hành; Hướng dẫn du lịch); <b>Địa lý du lịch</b> ; <b>Văn hóa du lịch</b> )	D220113
9	<b>Ngôn ngữ Anh</b>	D220201
10	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b> (Chuyên ngành Biên - Phiên dịch)	D220204
11	<b>Giáo dục thể chất</b>	D140206

**II. Tuyển sinh các ngành cao đẳng hệ chính quy (175 chỉ tiêu):**

S TT	TÊN NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ NGÀNH
1	<b>Công nghệ thông tin</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông; Kỹ thuật đa phương tiện; Tin học kinh tế)	C480201
2	<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b> (Gồm 2 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện tử)	C510301
3	<b>Kế toán</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán kiểm toán; Kế toán công; Kế toán thuế)	C340301
4	<b>Tài chính-Ngân hàng</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính công; Thuế; Tài chính doanh nghiệp)	C340201
5	<b>Quản trị kinh doanh</b> (Gồm 6 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh du lịch; Quản trị kinh doanh tổng quát; Marketing công nghệ số; Quản trị bệnh viện; Luật kinh doanh)	C340101
6	<b>Tiếng Anh</b>	C220201
7	<b>Tiếng Trung Quốc</b> (Chuyên ngành Biên - Phiên dịch)	C220204
8	<b>Việt Nam học</b> (3 chuyên ngành: <b>Du lịch</b> (Quản lý Khách sạn-Nhà hàng; Quản lý Du lịch-Lữ hành; Hướng dẫn du lịch); <b>Địa lý du lịch</b> ; <b>Bảo tồn-Bảo tàng</b> )	C220113

**III. Trường có tổ chức thi tuyển sinh liên tục các ngành thuộc các hệ và loại hình đào tạo sau:****1. Liên thông từ CĐ lên ĐH hệ CQ (90 CT): 2. ĐH bằng 2 hệ CQ (20 CT):**

TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	Trường có tổ chức thi tuyển sinh.
<b>Công nghệ thông tin</b>	D480201	<b>ĐH Ngôn ngữ Anh</b>	D220201	

Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D510301	ĐH Kế toán	D340301
Kế toán	D340301		
Ngôn ngữ Anh	D220201		
Việt Nam học (Văn hóa du lịch)	D220113		

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia
- Xét tuyển theo kết quả học THPT

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -1 (2016)			Năm tuyển sinh -2 (2015)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I						
- Giáo dục thể chất <i>Toán, Văn, Năng khiếu TĐTT</i> <i>Toán, Anh, Năng khiếu TĐTT</i> <i>Văn, Địa, Năng khiếu TĐTT</i>	24	0	15	25	0	15
Nhóm ngành II						
Nhóm ngành III						
- Kế toán <i>Toán, Lý, Hóa (A)</i> <i>Toán, Hóa, Sinh (B)</i> <i>Toán, Văn, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Toán, Lý, Ngoại ngữ</i>	30	13	15	35	0	15
- Tài chính – Ngân hàng <i>Toán, Lý, Hóa (A)</i> <i>Toán, Hóa, Sinh (B)</i> <i>Toán, Văn, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Toán, Lý, Ngoại ngữ</i>	24	0	15	15	0	15
- Quản trị kinh doanh <i>Toán, Lý, Hóa (A)</i>	36	6	15	20	0	15

<i>Toán, Hóa, Sinh (B)</i>						
<i>Toán, Văn, Ngoại ngữ (D)</i>						
<i>Toán, Lý, Ngoại ngữ</i>						
Nhóm ngành IV						
Nhóm ngành V						
- Công nghệ thông tin <i>Toán, Lý, Hóa (A)</i> <i>Toán, Hóa, Sinh (B)</i> <i>Toán, Văn, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Toán, Lý, Ngoại ngữ</i>	30	5	15	20	0	15
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử <i>Toán, Lý, Hóa (A)</i> <i>Toán, Văn, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Toán, Lý, Ngoại ngữ</i> <i>Toán, Lý, Văn</i>	18	0	15	10	0	15
Nhóm ngành VI						
Nhóm ngành VII						
- Văn học <i>Văn, Sử, Địa (C)</i> <i>Văn, Toán, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Văn, Địa, Ngoại ngữ</i> <i>Văn, Lý, Ngoại ngữ</i>	30	0	15	10	0	15
- Lịch sử <i>Văn, Sử, Địa (C)</i> <i>Văn, Toán, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Văn, Địa, Ngoại ngữ</i> <i>Văn, Sử, Ngoại ngữ</i>	24	0	15	10	0	15
- Việt Nam học <i>Toán, Hóa, Sinh (B)</i> <i>Văn, Sử, Địa (C)</i> <i>Văn, Toán, Ngoại ngữ (D)</i> <i>Văn, Địa, Ngoại ngữ</i>	30	5	15	15	0	15
- Ngôn ngữ Anh	30	8	15	20	0	15

Anh, Toán, Văn (D1) Anh, Toán, Lý (A1) Anh, Văn, Sử Anh, Văn, Địa						
- Ngôn ngữ Trung Quốc Ngoại ngữ, Toán, Văn (D) Văn, Sử, Địa (C) Ngoại ngữ, Văn, Địa Ngoại ngữ, Toán, Lý	24	3	15	15	0	15
<b>Tổng</b>	195	0	X	300	40	X

## 2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT

2.2. Phạm vi tuyển sinh: xét tuyển thí sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

+ Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

+ Xét tuyển theo kết quả học THPT

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo;

S TT	TÊN NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU
1	<b>Công nghệ thông tin</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông; Kỹ thuật đa phương tiện; Tin học kinh tế)	52480201	60
2	<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b> (Gồm 2 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện tử)	52510301	30
3	<b>Kế toán</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán kiểm toán; Kế toán công; Kế toán thuế)	52340301	110
4	<b>Tài chính-Ngân hàng</b> (Gồm 4 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính công; Thuế; Tài chính doanh nghiệp)	52340201	50
5	<b>Quản trị kinh doanh</b> (Gồm 6 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh du lịch; Quản trị kinh doanh tổng quát; Marketing công nghệ số; Quản trị bệnh viện; Luật kinh doanh)	52340101	70
6	<b>Văn học</b>	52220330	40
7	<b>Lịch sử</b>	52220310	30
8	<b>Việt Nam học</b> (3 chuyên ngành: <b>Du lịch</b> (Quản lý Khách sạn-Nhà hàng; Quản lý Du lịch-Lữ hành; Hướng dẫn du lịch); <b>Địa lý du lịch; Văn hóa du lịch</b> )	52220113	50
9	<b>Ngôn ngữ Anh</b>	52220201	50
10	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b> (Chuyên ngành Biên - Phiên dịch)	52220204	40
11	<b>Giáo dục thể chất</b>	52140206	50

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT;

### 2.5.1 Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017

Trường ĐHDL Phú Xuân đăng ký thực hiện xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017, áp dụng đối với tất cả các ngành.

- **Điều kiện xét tuyển:** Tốt nghiệp THPT; Có đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017 để xét tuyển ĐH, CĐ; Các môn thuộc Tổ hợp môn xét tuyển có kết quả điểm thi trong kỳ thi THPT quốc gia 2017 từ ngưỡng điểm tối thiểu của Bộ GD&ĐT quy định trở lên, không có môn nào  $\leq 1,0$ .

\* *Mức chênh lệch giữa các Tổ hợp môn xét tuyển là 0 điểm.*

- **Chính sách ưu tiên:** Thực hiện theo quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

### 2.5.2 Xét tuyển theo kết quả học THPT

Trường ĐHDL Phú Xuân đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập (học bạ) lớp 12, áp dụng đối với tất cả các ngành.

- **Điều kiện xét tuyển:** Tốt nghiệp THPT; Có tổng điểm TRUNG BÌNH CẢ NĂM lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) của các môn thuộc Tổ hợp môn xét tuyển  $\geq 17$  (Điểm xét tuyển được làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

\* *Mức chênh lệch giữa các Tổ hợp môn xét tuyển là 0 điểm.*

- **Chính sách ưu tiên:** Thực hiện theo quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

### 2.5.3 Xét tuyển ngành ĐH Giáo dục thể chất:

a. Thí sinh chọn chọn 1 trong 2 phương thức sau để xét tuyển:

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia 2017, điều kiện: Tốt nghiệp THPT; Có đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017 để xét tuyển ĐH, CĐ; Có kết quả điểm thi môn văn hóa thuộc tổ hợp môn xét tuyển trong kỳ thi THPT quốc gia 2016 đạt từ ngưỡng điểm tối thiểu của Bộ GD&ĐT quy định trở lên và có điểm thi tuyển sinh môn năng khiếu ĐH GDTC năm 2017 (không bị điểm 0).

- Hoặc xét tuyển theo kết quả học THPT, điều kiện: Tốt nghiệp THPT; Có trung bình cộng điểm của các môn học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển  $\geq 5,0$  (lấy điểm TRUNG BÌNH CẢ NĂM, làm tròn đến 1 chữ số thập phân); Có điểm thi tuyển sinh môn năng khiếu ĐH GDTC năm 2017 (không bị điểm 0).

- Cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo Quy chế TS hiện hành.

b. Xét tuyển hoặc thi môn năng khiếu: Xét tuyển kết quả môn năng khiếu của thí sinh đã dự thi ở các trường ĐH trong cả nước hoặc nhà trường sẽ tổ chức thi các môn năng khiếu: Bật xa tại chỗ, Chạy cự ly 100m, Chạy con thoi 4x10m.

- Ngoài những quy định chung thí sinh phải thỏa mãn điều kiện về thể hình (Nam cao từ 1.6m, nặng từ 45kg; Nữ cao từ 1.55m, nặng từ 40kg) và không bị dị hình dị tật, không bị bệnh tim mạch.

- Thực hiện quy định ưu tiên xét tuyển và tuyển thẳng hiện hành của Bộ GD&ĐT về chế độ ưu đãi đối với vận động viên.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

TT	MÃ TRƯỜNG	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	CHÊNH LỆCH ĐIỂM XT GIỮA CÁC TỔ HỢP
1	DPX	52480201	Công nghệ thông tin	A00, B00, D01, A01	0
2	DPX	52510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, D01, A01, C01	0
3	DPX	52340301	Kế toán	A00, B00, D01, A01	0
4	DPX	52340201	Tài chính-Ngân hàng	A00, B00, D01, A01	0
5	DPX	52340101	Quản trị kinh doanh	A00, B00, D01, A01	0
6	DPX	52220330	Văn học	C00, D01, D15, D11	0
7	DPX	52220310	Lịch sử	C00, D01, D15, D14	0
8	DPX	52220113	Việt Nam học	B00, C00, D01, D15	0
9	DPX	52220201	Ngôn ngữ Anh	D01, A01, D14, D15	0
10	DPX	52220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, C00, D15, A01	0
11	DPX	52140206	Giáo dục thể chất	T00	0

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo...

#### 2.7.1. Thời gian xét tuyển:

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia: Thí sinh nộp hồ sơ ngay sau khi có kết quả xét tốt nghiệp THPT và tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT công bố đến khi kết thúc thời hạn tuyển sinh của Bộ quy định hoặc đến khi hết chỉ tiêu.

- Xét tuyển theo kết quả học THPT: Thí sinh nộp hồ sơ từ nay đến khi kết thúc thời hạn tuyển sinh của Bộ quy định hoặc đến khi hết chỉ tiêu.

- Đối với hồ sơ xét tuyển các ngành hệ CĐ: Thí sinh nộp hồ sơ từ khi có kết quả tốt nghiệp THPT đến khi kết thúc thời hạn tuyển sinh của Bộ quy định hoặc đến khi hết chỉ tiêu.

- Thời gian tổ chức kiểm tra điều kiện thể hình và thi môn năng khiếu, đối với các thí sinh xét tuyển ngành ĐH GDTC: Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể lịch kiểm tra điều kiện thể hình và lịch thi môn năng khiếu đến các thí sinh (hoặc xem trên website của trường).

#### 2.7.2. Hình thức nhận ĐKXT:

Ngoài 2 phương thức nộp ĐKXT theo quy định của Bộ GD-ĐT (qua đường bưu điện và trực tuyến), thí sinh có thể nộp trực tiếp tại Trường ĐH Phú Xuân.

#### 2.7.3. Điều kiện xét tuyển:

##### 1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017

Trường ĐHDL Phú Xuân đăng ký thực hiện xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017, áp dụng đối với tất cả các ngành.

- **Điều kiện xét tuyển:** Tốt nghiệp THPT; Có đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017 để xét tuyển ĐH, CĐ; Các môn thuộc Tổ hợp môn xét tuyển có kết quả điểm thi trong kỳ thi THPT quốc gia 2017 từ ngưỡng điểm tối thiểu của Bộ GD&ĐT quy định trở lên, không có môn nào  $\leq 1,0$ .

## 2. Xét tuyển theo kết quả học THPT

Trường ĐHDL Phú Xuân đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập (học bạ) lớp 12, áp dụng đối với tất cả các ngành.

- **Điều kiện xét tuyển:** Tốt nghiệp THPT; Có tổng điểm TRUNG BÌNH CẢ NĂM lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) của các môn thuộc Tổ hợp môn xét tuyển  $\geq 17$  (Điểm xét tuyển được làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

2.8. *Chính sách ưu tiên:* Thực hiện theo quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển;*

2.9.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2017: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.9.2. Xét tuyển theo kết quả học THPT: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có);*

- Các khối ngành đào tạo được tính chung một mức học phí.

- Lộ trình tăng học phí dự kiến:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tỷ lệ tăng (%)		9,5	9,9	10,1
Mức thu HP (1000đ/SV/tháng)	1.220	1.336	1.460	1.600

- Thời điểm tăng học phí: từ tháng 9 hàng năm.

2.11. *Các nội dung khác (không trái quy định)....*

- **Hồ sơ xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia:** Theo quy chế tuyển sinh hiện hành và các quy định của Bộ GD&ĐT.

- **Hồ sơ xét tuyển theo kết quả học THPT:**

(1) Đơn xin xét tuyển theo mẫu của trường (Nhận mẫu đơn tại trường hoặc in trên website của trường).

(2) Học bạ THPT (Bản sao có công chứng).

(3) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm nay) hoặc Bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước).

Thí sinh chưa nộp học bạ THPT và Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời thì phải nộp bổ sung trước thời gian trường xét tuyển.

(4) Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên nếu có (Bản sao có công chứng), nếu có chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thí sinh phải nộp thêm Sổ hộ khẩu thường trú (bản sao có công chứng);

(5) Hai phong bì đã dán sẵn tem, có ghi rõ địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thí sinh để trường thông báo kết quả xét tuyển (Địa chỉ bao gồm: họ tên người liên hệ, xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ, ngách), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)).

(6) Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT..

\* Các hồ sơ mục (2) đến (4): Có thể nộp bản pho-to nhưng phải mang theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu.



\*\* Thí sinh có thể nộp trước Đơn xin xét tuyển để trường chủ động lập danh sách, nhưng cần tiếp tục bổ sung các hồ sơ còn thiếu trong thời gian xét tuyển của trường, chỉ những hồ sơ đầy đủ từ mục (1) đến mục (6) mới đủ điều kiện xét tuyển.

Thí sinh có thể cùng lúc nộp nhiều hồ sơ xét tuyển cho nhiều ngành.

- **Xác định điểm trúng tuyển:** Căn cứ vào chỉ tiêu của ngành xét tuyển, lấy thí sinh có điểm xét tuyển (đã cộng điểm ưu tiên) từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

### 3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

#### 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

##### 3.1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành Vật lý đại cương	
2	Phòng thí nghiệm Điện cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài thực tập và mô hình</li> <li>- Các bài thực tập được xây dựng theo quy định tại chương trình khung của ngành CNKT điện, điện tử</li> <li>- Các bài thực hành xây dựng theo chương trình đào tạo.</li> <li>- Dao động ký</li> <li>- Đồng hồ vạn năng</li> <li>- Dụng cụ cầm tay</li> <li>- Linh kiện điện tử, điện lạnh</li> </ul>
3	Phòng thí nghiệm Điện tử cơ bản 1	
4	Phòng thí nghiệm Điện tử cơ bản 2	
5	Phòng thí nghiệm Điện tử công suất	
6	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Đo lường	
7	Phòng thí nghiệm Đo lường cảm biến	
8	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xung – số	
9	Phòng thí nghiệm Vi xử lý	
10	Phòng thí nghiệm Điện tử dân dụng 1	
11	Phòng thí nghiệm Điện tử dân dụng 2	
12	Phòng thí nghiệm Máy điện	
13	Phòng thực hành máy tính	
14	Phòng thực hành nghe (LAB)	1 phòng LAB 30 chỗ

##### 3.1.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	5
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	55
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Số phòng học đa phương tiện	10

##### 3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	138
2	Nhóm ngành II	
3	Nhóm ngành III	596

4	Nhóm ngành IV	
5	Nhóm ngành V	388
6	Nhóm ngành VI	
7	Nhóm ngành VII	2878

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file excel): **Xem ở file excel "Danh sách GV 31-12-2016"**.

Huế, Ngày 10 tháng 02 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG 



**TS. Nguyễn Đình Ngô** 